

Bản án số: 117/2021/HS-ST  
Ngày 05-8-2021

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Lập

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Nguyễn Nam Tuấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thao - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 429/2021/HSST-QĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn D**, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1972 tại Hải Phòng; nơi ĐKKTT: Thôn HL, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 32, khu dân cư 203, thôn CT, xã AĐ, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị Q; có vợ là Phạm Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19 tháng 5 năm 2020, đến ngày 28 tháng 5 năm 2020 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Phạm Thế Ch**, sinh ngày 06 tháng 01 năm 1950 tại Hải Phòng; nơi ĐKKTT: Thôn HN, xã ĐC, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn VN, xã ĐB, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế Ph (đã chết) và bà Nguyễn Thị G (đã chết); có vợ là Phạm Thị H và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19 tháng 5 năm

2020, đến ngày 28 tháng 5 năm 2020 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. **Trần Văn Ph**, sinh ngày 31 tháng 8 năm 1972 tại Hải Phòng; nơi ĐKKTT: Thôn ĐN, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 20/545 đường TL, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Ph; có vợ là Nguyễn Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28 tháng 9 năm 2020. Có mặt.

4. **Đào Thị Thu H**, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1982 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Đội 4, thôn KP, xã ĐT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân C và bà Nguyễn Bích Th; có chồng là Phạm Ngọc D và 02 con; tiền án: Tại Bản án số 11/2020/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An D, thành phố Hải Phòng xử phạt Đào Thị Thu H 200.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19 tháng 5 năm 2020, đến ngày 28 tháng 5 năm 2020 chuyển tạm giam, đến ngày 12 tháng 10 năm 2020 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Có mặt.

5. **Phan Chí C**, sinh ngày 17 tháng 8 năm 1964 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số 5, tầng 3, cầu thang 55, TĐ, phường PB, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Đặng Thị B (đã chết); có vợ là Tô Thị Kim A và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 324 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Công an huyện An D, thành phố Hải Phòng, đã phạt tiền Phan Chí C 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” (chưa được xóa); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13 tháng 01 năm 2021. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế Ch:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khánh Linh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại nhà riêng của Đào Thị Thu H ở Đội 4, thôn KP, xã ĐT, huyện AD, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng đã phát hiện, bắt quả tang H đang bán trái phép 04 số hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) cho Nguyễn Văn H, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn DN, xã TB, huyện AD, thành phố Hải Phòng, thu lợi bất chính 17.000.000 đồng.

Thời điểm bắt quả tang, Cơ quan điều tra thu giữ: 17.000.000 đồng, 04 hóa đơn GTGT H bán cho anh H gồm 03 hóa đơn của Công ty TNHH Thương mại xây dựng Vận tải Mạnh H (Công ty Mạnh H), giám đốc là Phạm Duy M; 01 hóa đơn của Công ty TNHH Tuệ Lâm A, giám đốc là Nguyễn Thị Đ; 01 quyền hóa đơn của Công ty TNHH dịch vụ thương mại xây dựng và vận tải Ph Ph (Công ty Ph Ph) do Trần Văn Ph làm giám đốc; 01 quyền hóa đơn của Công ty Mạnh H và cùng một số giấy tờ, tài liệu.

Khám xét chỗ ở của Đào Thị Thu H thu giữ: 01 quyền hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Đầu tư thương mại xây dựng và vận tải Ngọc H (Công ty Ngọc H) chưa ghi nội dung, đã có chữ ký và đóng dấu; 01 quyền hóa đơn GTGT của Công ty Mạnh H chưa ghi nội dung, đã có chữ ký và đóng dấu; 01 CPU máy tính để bàn, 01 máy in đã qua sử dụng và một số tài liệu.

Cùng ngày, vào hồi 10 giờ 30 phút tại nhà của Phạm Văn D ở số 32, khu dân cư 203, thôn CT, xã AĐ, huyện AD, thành phố Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng phát hiện và bắt quả tang Phạm Văn D và vợ là Phạm Thị H đang bán trái phép 05 số hóa đơn GTGT cho chị Quách Thị Thu H, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn DN, xã TA, huyện AD, thành phố Hải Phòng, D thu lợi bất chính 18.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ: 18.000.000 đồng và 05 hóa đơn GTGT, gồm 01 hóa đơn của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hiền Tr (Công ty HT), 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Đầu tư thương mại Th D (Công ty TD), 01 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Thương mại dịch vụ Bình M (Công ty BM), và 02 hóa đơn của Công ty TNHH Vận tải Xây dựng Thương Mại Sáu Ch (Công ty SC).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn D thu giữ: 01 quyền hóa đơn GTGT của Công ty HT, gồm 123 tờ hóa đơn GTGT, trong đó có 87 tờ đã viết nội dung hoặc ký tên giám đốc, đóng dấu; 01 quyền hóa đơn GTGT của Công ty SC, gồm 117 tờ hóa đơn GTGT, trong đó có 77 tờ đã viết nội dung hoặc ký tên giám đốc, đóng dấu; 01 quyền hóa đơn GTGT của Công ty TD, gồm 143 tờ hóa đơn GTGT, trong đó có 40 tờ đã viết nội dung hoặc ký tên giám đốc, đóng dấu; 02 quyền hóa đơn GTGT của Công ty BM, gồm 262 tờ hóa đơn GTGT, trong đó có 129 tờ đã viết nội dung hoặc ký tên giám đốc, đóng dấu; 01 con dấu pháp nhân của Công ty HD, 01 con dấu pháp nhân của Công ty BM, 02 con dấu chức danh Giám đốc mang tên Phạm Văn D, 01 con dấu chức danh mang tên Nguyễn Văn V.

Phạm Văn D khai nhận các quyền hóa đơn của Công ty HT, Công ty TD, Công ty SC là do Phạm Thế Ch cung cấp cho D để bán trái phép.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thế Ch thu giữ: 01 dấu tròn, 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Đông D của Công ty TD; 01 dấu tròn, 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thị H của Công ty HT; 01 dấu tròn, 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thế Ch của Công ty SC; 12 quyền hóa đơn của 03 Công ty trên; 03 CPU máy tính để bàn và một số tài liệu liên quan.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

- Tại Cơ quan điều tra Phạm Văn D khai nhận: Năm 2015, Phạm Văn D thành lập và làm giám đốc Công ty TNHH Đầu tư xây dựng vận tải Hoàng D để kinh doanh hoạt động vận tải. Đến tháng 04 năm 2017, do làm ăn thua lỗ, nợ nần nhiều nên D ngừng hoạt động Công ty HD. Tháng 12 năm 2017, D nảy sinh ý định thành lập Công ty để bán trái phép hóa đơn kiểm lời. D đã thành lập Công ty BM, người đại diện theo pháp luật của Công ty ban đầu D thuê ông Vũ Văn Th, sinh năm 1966, trú tại: xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng. Đến ngày 24 tháng 5 năm 2018, D làm thủ tục thay đổi chủ sở hữu thành ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1973, trú tại thôn TL, xã AH, huyện AD, thành phố Hải Phòng. D thuê đăng ký trụ sở Công ty tại số 2, tổ dân phố PhH, phường AD, quận DK, thành phố Hải Phòng với giá 2.000.000 đồng. D không bàn bạc, thỏa thuận việc mua bán trái phép hóa đơn với Vũ Văn Th và Nguyễn Văn V. D nói với Th, V chỉ cần đứng tên giám đốc Công ty không phải làm gì cả cũng được tiền nên Th, V đồng ý. Công ty BM không hoạt động sản xuất, kinh doanh, chỉ hoạt động bán trái phép hóa đơn. D đã trả lương giám đốc cho Th là 5.000.000 đồng, đã trả lương giám đốc cho V 2.000.000 đồng/tháng, tổng cộng đã trả V 48.000.000 đồng.

Từ năm 2018, D thuê Đào Thị Thu H làm kế toán giúp sức cho D trong việc mua bán trái phép hóa đơn với mức lương 1.000.000 đồng/01 tháng. Nhiệm vụ của H là viết khống các nội dung trên hóa đơn, đi chuyển tiền ngân hàng, kê khai báo cáo thuế hàng tháng của Công ty BM theo chỉ đạo của D. Ngoài ra, H còn mua lại hóa đơn khống của nhiều đối tượng để bán thu lợi bất chính.

Ngoài việc sử dụng Công ty BM để bán trái phép hóa đơn, D còn thỏa thuận với Phạm Thế Ch về việc dùng hóa đơn của các Công ty do Ch thành lập gồm: Công ty SC; Công ty HT; Công ty TD để bán trái phép cho khách của D với giá trung bình 02%, trong đó D được hưởng 01% và Ch được hưởng 01%. Sau đó, Ch đưa 03 quyển hóa đơn (mỗi Công ty 01 quyển) cho D bán. Tuy nhiên, Phạm Văn D chưa bán được số hóa đơn nào của 03 Công ty trên thì ngày 19 tháng 5 năm 2020 đã bị bắt.

Thông qua các mối quan hệ xã hội (thường là do người quen của D hoặc do H giới thiệu) những người có nhu cầu mua hóa đơn GTGT trái phép sẽ trực tiếp gặp gỡ D, H hoặc gửi thông tin cho D, H để thỏa thuận giá mua hóa đơn, thống nhất cách thức giao nhận hóa đơn, cách thức chuyển khoản. Khi hai bên thỏa thuận xong thì khách hàng gửi thông tin cần viết vào hóa đơn (bao gồm tên hàng hóa, doanh số, tên Công ty mua...) cho D trực tiếp hoặc qua tin nhắn điện thoại, phần mềm zalo. Sau đó, D chỉ đạo cho H viết các thông tin do khách hàng cung cấp vào hóa đơn GTGT, đóng dấu chức danh, dấu tròn Công ty vào hóa đơn GTGT khống, sau đó D đem giao hóa đơn GTGT cho khách để thu lợi bất chính.

Theo quy định, các hóa đơn có doanh số trên 20.000.000 đồng phải thanh toán bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Vì vậy, để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT không có hàng hóa kèm theo, Phạm Văn D

thỏa thuận với khách hàng về việc chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng. Nếu khách mua hóa đơn GTGT tự chuyển khoản thì D sẽ chỉ đạo H viết, đóng dấu không Séc rút tiền trước rồi đưa lại cho khách mua hóa đơn thực hiện chuyển khoản. Nếu khách mua hóa đơn yêu cầu thì D trực tiếp hoặc chỉ đạo H rút tiền rồi đem giao lại cho khách mua hóa đơn. Nếu phải tự chuyển khoản thì D trực tiếp hoặc chỉ đạo H ra ngân hàng nộp tiền vào tài khoản của khách hàng, sau đó H dùng Ủy nhiệm chi của khách mua hóa đơn (đã ký, đóng dấu không) để chuyển số tiền vừa nộp từ tài khoản của khách hàng về tài khoản của Công ty BM rồi dùng Séc rút tiền về, nộp lại cho D.

Khách mua trái phép hóa đơn của D thường là những người môi giới, trung gian mua hóa đơn để bán lại hưởng tiền chênh lệch như ông H (không rõ làm gì, ở đâu), Nguyễn Văn H, Quách Thị Thu H (khách mua bị bắt quả tang), ông T (không rõ làm gì, ở đâu), Đào Thị Thu H (kế toán của D). D khai không bán hóa đơn trái phép trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức nào.

Ngoài ra, D khai nhận có một số lần nhờ vợ Phạm Thị H viết hộ hóa đơn nhưng không nói cho H biết và không cho H tham gia hoạt động mua bán trái phép hóa đơn.

Từ tháng 01 năm 2018 đến hết ngày 19 tháng 5 năm 2020, D đã bán trái phép tổng số 382 số hóa đơn GTGT với giá trung bình 01% doanh số hàng hóa, dịch vụ không ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế VAT 10%). Tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra không là: 214.640.439.000 đồng, như vậy số tiền Phạm Văn D thu được từ việc bán trái phép hóa đơn là 2.146.404.390 đồng. D đã chi 22.000.000 đồng trả lương cho Đào Thị Thu H; chi tiền thuế nộp cho Nhà nước là 374.158.000 đồng; chi tiền in hóa đơn là 2.090.000 đồng; chi tiền thuê hai giám đốc là 53.000.000 đồng. Sau khi đã trừ các khoản thuế, chi phí, Phạm Văn D thu lợi bất chính số tiền 1.695.156.390 đồng.

- Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thế Ch khai nhận: Tháng 03 năm 2018, Ch thành lập và làm giám đốc Công ty SC với mục đích kinh doanh vật liệu xây dựng, do không kinh doanh được nên từ tháng 5 năm 2018, Ch bắt đầu bán trái phép hóa đơn GTGT. Tháng 7 năm 2018, Phạm Thế Ch nhờ con gái là Phạm Thị H đứng tên giám đốc Công ty HT. Ch thuê nhà bà Phạm Thị Th tại địa chỉ tổ dân phố số 1, khu VH, phường HĐ, quận DK, thành phố Hải Phòng với giá 1.500.000 đồng/01 tháng để treo biển đăng ký trụ sở Công ty, còn thực tế Công ty HT không có hoạt động sản xuất, kinh doanh. Ch nhờ H viết nội dung hóa đơn GTGT nhưng không nói cho H biết việc Ch sử dụng Công ty để bán trái phép hóa đơn GTGT, không cho H tham gia mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

Tháng 9 năm 2019, Phạm Thế Ch tiếp tục thành lập Công ty ThD để bán trái phép hóa đơn GTGT, Ch thuê cháu họ là Phạm Đông D đứng tên giám đốc và trả công cho D 2.000.000 đồng/01 tháng. Phạm Đông D không biết việc Ch thành lập Công ty để bán hóa đơn. Trụ sở Công ty, Ch đăng ký tại nhà bà Phạm Thị H ở thôn HĐ, xã HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

Phạm Thế Ch thuê Nguyễn Thị V, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố ĐK, phường DH, quận KA, thành phố Hải Phòng làm kế toán viết hóa đơn, kê khai báo cáo thuế với giá 2.000.000 đồng/01 tháng và thưởng cho V 500.000 đồng/01 quý. Hàng tháng, V đến nhà Ch lấy hóa đơn, chứng từ về viết, kê khai theo chỉ đạo của Ch, Ch không nói, không cho V biết và không cho V tham gia hoạt động mua bán trái phép hóa đơn của Ch vì sợ lộ.

Khách mua trái phép hóa đơn của Ch thường là những người môi giới, trung gian mua hóa đơn để bán lại hưởng tiền chênh lệch như ông Hiếu, ông Chiến (không rõ làm gì, ở đâu). Ch không bán hóa đơn trái phép trực tiếp cho doanh nghiệp, tổ chức nào. Ngoài ra, do ít khách mua hóa đơn nên Ch thống nhất với D về việc dùng hóa đơn của Công ty SC, Công ty HT, Công ty ThD để mua bán trái phép hóa đơn với giá trung bình 2%, trong đó D được hưởng 01% và Ch được hưởng 01%. Tuy nhiên, Phạm Thế Ch không biết Chnh xác D đã bán trái phép bao nhiêu số hóa đơn, thu lợi bất chính bao nhiêu và Ch đã chia bao nhiêu tiền bán hóa đơn cho D.

Để thực hiện việc bán trái phép hóa đơn GTGT, Phạm Thế Ch thỏa thuận với khách hàng về việc khách mua hóa đơn GTGT tự chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT, Ch sẽ viết, đóng dấu khống Séc rút tiền trước rồi đưa lại cho khách mua hóa đơn GTGT thực hiện chuyển khoản. Về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty SC, Công ty HT, Công ty ThD kê khai với cơ quan thuế. Cả 3 Công ty trên không mua bán hàng hóa, dịch vụ gì, Phạm Thế Ch tự nghĩ ra doanh số mua vào để cân đối với doanh số bán ra sao cho số thuế GTGT phải nộp hợp lý.

Từ tháng 05 năm 2018 đến ngày 19 tháng 5 năm 2020, Ch đã bán trái phép tổng cộng 386 số hóa đơn GTGT của cả 03 Công ty với giá trung bình 01% doanh số hàng hóa, dịch vụ khống ghi trên hóa đơn (chưa tính thuế VAT 10%). Tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra khống là: 95.479.652.853 đồng. Như vậy, số tiền Phạm Thế Ch thu được từ việc bán trái phép hóa đơn là 954.796.529 đồng. Ch đã chi 47.500.000 đồng trả lương cho Nguyễn Thị V (từ tháng 7 năm 2018 đến hết tháng 4 năm 2020), trả lương giám đốc cho Phạm Đông D là 16.000.000 đồng (từ tháng 9 năm 2019 đến hết tháng 4 năm 2020); nộp tiền thuế cho Nhà nước là 178.748.000 đồng; chi phí in hóa đơn là 9.350.000 đồng. Sau khi trừ thuế, chi phí, Phạm Thế Ch thu lợi bất chính số tiền 703.198.529 đồng.

- Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn Ph khai nhận: Tháng 10 năm 2019, Ph thành lập Công ty PP và đứng tên giám đốc nhằm mục đích bán trái phép hóa đơn GTGT. Phong thuê nhà bà Bùi Thị H tại địa chỉ số 121A/292 đường LT, phường KD, quận LC, thành phố Hải Phòng với giá 1.500.000 đồng/01 tháng làm trụ sở Công ty (tuy nhiên Ph mới trả 1.000.000 đồng cho bà H). Ph treo biển Công ty PP, đặt máy tính, bàn ghế tại đây khoảng 10 ngày để làm thủ tục kiểm tra, đăng ký thành lập Công ty PP. Sau đó, Ph gỡ biển hiệu, lấy lại máy tính, bàn ghế và không hoạt động gì tại địa chỉ trụ sở này. Việc mở tài khoản ngân hàng Công ty PP,

Phong nhờ vợ là Nguyễn Thị N thực hiện. N không biết, không tham gia hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT của Ph. Ph trực tiếp đặt in 15 quyển tương đương 750 số hóa đơn tại Công ty Cổ phần Công nghệ số & in Đồ họa.

Từ tháng 11 năm 2019 đến đầu tháng 12 năm 2019, Ph là người trực tiếp viết hóa đơn GTGT của Công ty PP, bán trái phép hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính. Từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020, qua giới thiệu của Phạm Văn D, Phong thuê Đào Thị Thu H làm kế toán viết hóa đơn, tìm kiếm khách mua hóa đơn cho Ph và Ph mới trả lương 1.000.000 đồng cho H. Việc chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn, Trần Văn Ph chuyển Séc rút tiền để khách mua hóa đơn GTGT tự chuyển khoản.

Do Công ty PP không có hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ nên Ph tự cân đối số liệu đầu vào sao cho hợp lý với doanh thu bán ra không để số tiền thuế phải nộp không quá thấp cũng không quá cao. Tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào do Ph tự nghĩ ra để kê khai là: 48.235.988.000 đồng. Từ tháng 11 năm 2019 đến ngày 19 tháng 5 năm 2020, Ph đã bán trái phép 106 số hóa đơn, tổng tiền hàng hóa không ghi trên hóa đơn là 48.612.652.000 đồng.

Khách mua trái phép hóa đơn GTGT của Ph thường là những người môi giới, trung gian mua hóa đơn để bán lại hưởng tiền chênh lệch như Đào Thị Thu H, anh Hải (không rõ làm gì, ở đâu). Ngoài ra, từ cuối năm 2019 đến tháng 3 năm 2020, Phong đã bán trái phép 07 số hóa đơn của Công ty PP cho Bùi Thị H, sinh năm 1987, địa chỉ: Số 66/649 đường TL, phường VN, quận LC, thành phố Hải Phòng (kế toán Công ty TA) với giá 04% tiền hàng hóa không, tổng tiền hàng ghi trên 07 số hóa đơn là 1.816.049.500 đồng, thu lợi bất chính 72.641.980 đồng; bán trái phép 04 số hóa đơn của Công ty PP cho Phan Chí C (giám đốc Công ty Công Th) với giá 04% tiền hàng hóa không, tổng tiền hàng ghi trên 04 số hóa đơn là 2.111.729.545 đồng, thu lợi bất chính 84.469.182 đồng. Đối với các khách hàng khác, Ph chỉ bán hóa đơn với giá trung bình 1,4% tương đương với số tiền thu được là 625.588.221 đồng. Như vậy, tổng số tiền bán trái phép hóa đơn Ph thu được là 782.699.383 đồng. Ph đã chi 1.000.000 đồng trả lương cho Đào Thị Thu H; chi tiền thuế nộp cho Nhà nước là 63.242.000 đồng; chi tiền in hóa đơn là 3.135.000 đồng. Như vậy, Trần Văn Ph thu lợi bất chính số tiền là 715.322.383 đồng.

- Tại Cơ quan điều tra, Đào Thị Thu H khai nhận: Từ tháng 6 năm 2018 đến khi bị bắt, H làm kế toán giúp sức cho Phạm Văn D trong việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT với mức lương 1.000.000 đồng/01 tháng. Nhiệm vụ của H là viết không các nội dung trên hóa đơn, đi chuyển tiền ngân hàng, kê khai báo cáo thuế hàng tháng của Công ty BM theo chỉ đạo của D. Ngoài ra, từ tháng 12 năm 2019, thông qua sự giới thiệu của D, H làm kế toán cho Trần Văn Ph với nhiệm vụ viết không các nội dung trên hóa đơn GTGT, tìm khách để bán hóa đơn GTGT của Công ty PP. Ph thỏa thuận chia cho H 01% doanh thu không hàng tháng của Công ty PP, tuy nhiên H mới nhận được 1.000.000 đồng của Ph thì bị bắt.

Ngoài Công ty BM và Công ty PP, H còn mua lại hóa đơn không của nhiều đối tượng như anh Kh khoảng 50 tuổi, ở khu vực HP, huyện AD, thành phố Hải Phòng (không lai lịch cụ thể) và chị L, sinh năm 1981, trú tại xã LT, huyện AD, thành phố Hải Phòng để bán thu lợi bất chính. Ngày 19 tháng 5 năm 2020, H đã viết, bán trái phép 04 số hóa đơn GTGT của Công ty Tuệ LA; Công ty MH với giá 2,5% tiền hàng hóa không ghi trên hóa đơn, thu lợi bất chính 17.000.000 đồng. H khai Công ty Tuệ LA của anh Kh; Công ty MH nêu trên và Công ty NH, Công ty DL là của chị L.

Đối với các khách mua hóa đơn của H, hiện nay H không nhớ Chính xác đã bán hóa đơn cho những Công ty, tổ chức nào vì H chỉ bán qua những người trung gian như anh H, chị H. Tổng cộng, H đã giúp sức cho Ph bán trái phép trên 78 số hóa đơn, giúp sức cho D bán trái phép trên 300 số hóa đơn. H không nhớ đã thu lợi bất chính được bao nhiêu tiền từ việc bán trái phép hóa đơn các Công ty của D, Ph, L, Kh.

Số tiền thu lợi bất chính Đào Thị Thu H nhận được là 40.000.000 đồng, trong đó có 22.000.000 đồng tiền lương làm kế toán cho Phạm Văn D; 1.000.000 đồng tiền lương làm kế toán cho Trần Văn Ph; 17.000.000 đồng tiền bán trái phép hóa đơn bị bắt quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số 58/KLGD ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng về chữ viết trên 48 tờ hóa đơn GTGT thu giữ trong quá trình bắt quả tang, khám xét khẩn cấp, kết luận: Chữ viết nội dung của 34/48 tờ hóa đơn GTGT là của Đào Thị Thu H; chữ viết nội dung 14/48 tờ hóa đơn GTGT là của Phạm Thị Huệ.

Tại Bản Kết luận giám định số 123/KLGD ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng về chữ viết, chữ ký trên 11 số hóa đơn của Công ty PP bán cho Công ty TA, Công ty CT, kết luận: Chữ viết trên 11 số hóa đơn trên là của Đào Thị Thu H, chữ ký tại mục “Thủ trưởng đơn vị” là của Trần Văn Ph.

- Tại Cơ quan điều tra, Phan Chí C – Giám đốc Công ty CT khai nhận: Từ đầu tháng 01 năm 2020 đến tháng 02 năm 2020, Công đã mua một số máy móc, vật tư trôi nổi, không có hóa đơn kèm theo. Để hợp thức hóa đầu vào, giảm số tiền thuế phải nộp cho Nhà nước, thông qua quan hệ xã hội, C đã mua trái phép của Trần Văn Ph 04 số hóa đơn (không kèm hàng hóa) với giá 04% tiền hàng hóa không, tổng tiền hàng ghi trên 04 số hóa đơn là 2.111.729.545 đồng. C đã sử dụng 04 hóa đơn trên để kê khai khấu trừ thuế. Ngoài ra, C khai không mua trái phép hóa đơn của cá nhân, doanh nghiệp nào khác.

Tại Kết luận giám định ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng kết luận: “Công ty CT sử dụng hóa đơn bất hợp pháp kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào kỳ tính thuế Quý 1 năm 2020 đã làm thiếu số thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước là 211.172.955 đồng.



*Công ty TA sử dụng hóa đơn bất hợp pháp kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào kỳ tính thuế Quý I năm 2020 đã làm thiếu số thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước là 181.604.950 đồng”.*

Xác minh tại Cục thuế thành phố Hải Phòng và các Chi cục thuế có liên quan, xác định:

- Công ty BM có tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào là: 223.170.864.183. Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra là: 214.640.439.434 đồng. Số thuế đã nộp là: 374.158.000 đồng, không nợ đọng thuế.

- Công ty SC có tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào là: 51.544.130.000 đồng. Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra là: 52.438.058.995 đồng. Số thuế đã nộp là: 95.391.000 đồng, không nợ đọng thuế.

- Công ty HT có tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào là: 38.895.456.000 đồng. Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra là: 39.298.050.033 đồng. Số thuế đã nộp là: 76.327.000 đồng, không nợ đọng thuế.

- Công ty TD có tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào là: 3.703.240.000 đồng. Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra là: 3.743.545.853 đồng. Số thuế đã nộp là: 7.030.000 đồng, không nợ đọng thuế.

- Công ty PP có tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào là: 48.235.988.000 đồng. Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra là: 48.612.652.000 đồng. Số thuế nộp là: 63.242.000 đồng, không nợ đọng thuế.

Xác minh tại các Công ty nơi các bị can đặt in hóa đơn kết quả: Phạm Văn D chi 2.090.000 đồng tiền in hóa đơn, Phạm Thế Ch chi 9.350.000 đồng tiền in hóa đơn, Trần Văn Ph chi 3.135.000 đồng tiền in hóa đơn.

Kết quả điều tra còn xác định được 134 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn GTGT của 07 Công ty trong vụ án. Cơ quan điều tra đã làm việc được với 17 doanh nghiệp. Trong đó có Công ty CT và Công ty TA là 02 doanh nghiệp trong số các cá nhân, doanh nghiệp mua trái phép hóa đơn của Công ty PP để kê khai hàng hóa đầu vào nhằm khấu trừ thuế GTGT, chiếm đoạt tổng số tiền 392.777.905 đồng thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Phan Chí C - Giám đốc Công ty CT đã bị khởi tố về tội Trốn thuế và kết thúc điều tra trong vụ án này. Đối với hành vi trốn thuế ra xảy ra tại Công ty TA, do Công ty còn mua hóa đơn của các doanh nghiệp khác, nên ngày 13 tháng 01 năm 2021, Cơ quan điều tra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 02 về Tội trốn thuế để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.

Các ngân hàng nơi Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Trần Văn Ph mở tài khoản giao dịch, chuyển khoản phục vụ vào việc mua bán trái phép hóa đơn đã thực hiện việc phong tỏa tài khoản, tổng số dư trên các tài khoản tại thời điểm phong tỏa là: 9.087.177 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án, gồm: 12 con dấu tròn và dấu chức danh của các Công ty HD; Công ty BM; Công ty HT; Công ty SC; Công ty TD; 04 CPU

máy tính để bàn; 01 máy in màu trắng nhãn hiệu CANON; 21 quyển hóa đơn GTGT và một thùng hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ án thu giữ khi bắt quả tang, khám xét và do các bị cáo tự nguyện giao nộp cùng số tiền 35.000.000 đồng thu được khi bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng để giải quyết theo vụ án.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKSHP-P3 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Trần Văn Ph về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Đào Thị Thu H về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Chí C về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng, khẳng định việc truy tố bị cáo Trần Văn Ph về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại các điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Đào Thị Thu H về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phan Chí C về tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Sau khi phân tích vai trò, hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s, x, o khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thế Ch từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Áp dụng các điểm d, đ, e khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Ph mức án từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng các điểm d, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đào Thị Thu H mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Mua

bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ, tạm giam. Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 200; điểm i, s, b khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Chí C từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng về tội “Trốn thuế”.

*Về xử lý vật chứng, tiền thu lợi bất chính và tiền trốn thuế:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy 12 con dấu tròn và dấu chức danh của các Công ty HD; Công ty BM; Công ty HT; Công ty SC; Công ty TD; 21 quyển hóa đơn GTGT và một thùng hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ án.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 04 CPU máy tính để bàn; 01 máy in màu trắng nhãn hiệu CANON; số tiền 35.000.000 đồng (bắt quả tang khi các bị cáo H, D đang bán trái phép hóa đơn) và khoản tiền 9.087.177 đồng tại các tài khoản ngân hàng bị phong tỏa của các Công ty do các bị cáo thành lập để bán trái phép hóa đơn.

- Buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính, tiền trốn thuế để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Bị cáo Phạm Văn D phải nộp lại số tiền 1.695.156.390 đồng; bị cáo Phạm Thế Ch phải nộp lại số tiền 703.198.529 đồng; bị cáo Trần Văn Ph phải nộp lại số tiền 715.322.383 đồng; bị cáo Đào Thị Thu H phải nộp lại số tiền 23.000.000 đồng; bị cáo Phan Chí C nộp lại tiền trốn thuế là 2.111.729.545 đồng.

Về án phí, quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Thế Ch:* Luật sư không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh mà Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với bị cáo Phạm Thế Ch. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm o, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Ch ra, người bào chữa cho bị cáo Ch còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bởi lẽ: Ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra, ngoài việc thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, bị cáo còn cung cấp các tài liệu, chứng cứ, thông tin đến vụ án, giúp đỡ Cơ quan điều tra nhanh chóng hoàn thành hồ sơ vụ án đảm bảo đúng quy định pháp luật và bị cáo đã “khắc phục hậu quả” nộp lại tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Phạm Thế Ch được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo với mức từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời sau cùng: Các bị cáo đều đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### *- Về tố tụng:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

#### *- Về tội danh:*

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Ph, Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Đào Thị Thu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định, kết quả xác minh của Cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định:

[3] Từ tháng 01 năm 2018 đến ngày 19 tháng 5 năm 2020, bị cáo Phạm Văn D đã thành lập và sử dụng Công ty BM để bán trái phép 382 số hóa đơn GTGT thu lợi bất chính. Từ tháng 5 năm 2018 đến ngày 19 tháng 5 năm 2020, bị cáo Phạm Thế Ch đã thành lập và sử dụng Công ty SC, Công ty HT, Công ty TD để bán trái phép 386 số hóa đơn GTGT thu lợi bất chính. Từ tháng 11 năm 2019 đến ngày 19 tháng 5 năm 2020, bị cáo Trần Văn Ph đã thành lập Công ty PP để bán trái phép 106 số hóa đơn GTGT thu lợi bất chính. Từ tháng 6 năm 2018 đến ngày 19 tháng 5 năm 2020, bị cáo Đào Thị Thu H có hành vi giúp sức cho bị cáo Phạm Văn D bán trái phép trên 300 số hóa đơn GTGT thu lợi bất chính và từ tháng 12 năm 2019 đến ngày 19 tháng 5 năm 2020, bị cáo Đào Thị Thu H có hành vi giúp sức cho bị cáo Trần Văn Ph bán trái phép trên 78 số hóa đơn GTGT thu lợi bất chính. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận các bị cáo Trần Văn Ph, Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Đào Thị Thu H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Bị cáo Phan Chí C đã mua trái phép, sử dụng 04 số hóa đơn của Trần Văn Ph để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào với mục đích giảm số thuế phải nộp, làm thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước là 211.172.955 đồng. Như vậy,

có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Phan Chí C đã phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại Điều 200 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, chứng từ, các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, làm suy giảm đến ngân sách Nhà nước. Chính vì vậy, cần phải xử lý nghiêm khắc bằng pháp luật hình sự đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm tương tự xảy ra.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[6] Bị cáo Phạm Văn D đã bán trái phép tổng cộng 382 số hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính số tiền 1.695.156.390 đồng. Bị cáo Phạm Thế Ch đã bán trái phép tổng cộng 386 số hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính số tiền 703.198.529 đồng. Do đó, các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch bị xét xử với các tình tiết khung hình phạt “*Hóa đơn đã ghi nội dung từ 30 số trở lên; Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[7] Bị cáo Trần Văn Ph đã bán trái phép tổng cộng 106 số hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính số tiền 715.322.383 đồng. Trong đó, bị cáo Trần Văn Ph bán trái phép cho bị cáo Phan Chí C 04 số hóa đơn GTGT dẫn đến bị cáo Phan Chí C đã sử dụng các hóa đơn đó thực hiện hành vi trốn thuế gây thất thu thuế của Nhà nước số tiền là 211.172.955 đồng và bán trái phép cho Bùi Thị Huệ (kế toán Công ty TA) 07 số hóa đơn GTGT, Công ty TA sử dụng các hóa đơn đó thực hiện hành vi trốn thuế gây thất thu thuế của Nhà nước số tiền là 181.604.950 đồng. Tổng cộng số tiền gây thất thu thuế của Nhà nước là 392.777.905 đồng. Do đó, bị cáo Trần Văn Ph bị xét xử với các tình tiết khung hình phạt “*Hóa đơn đã ghi nội dung từ 30 số trở lên; Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên; Gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 100.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo Đào Thị Thu H giúp sức cho bị cáo Trần Văn Ph bán trái phép trên 78 số hóa đơn và giúp sức cho bị cáo Phạm Văn D bán trái phép trên 300 số hóa đơn, thu lợi bất chính số tiền 23.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Đào Thị Thu H bị xét xử với tình tiết khung hình phạt “*Hóa đơn đã ghi nội dung từ 30 số trở lên*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc bị cáo H có hành vi giúp sức cho bị cáo D, bị cáo Phong thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng nên đề nghị truy tố bị cáo Đào Thị Thu H thêm tình tiết định khung hình phạt “*Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[9] Bị cáo Phan Chí C đã mua trái phép 04 số hóa đơn GTGT của Trần Văn Ph để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào với mục đích giảm số thuế phải nộp, làm thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước là 211.172.955 đồng. Do đó, bị cáo Phan Chí C bị xét xử với tình tiết khung hình phạt “*Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp...*” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- *Về đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án:*

[10] Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Trần Văn Ph thực hiện việc mua bán hóa đơn GTGT độc lập. Do vậy, các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Trần Văn Ph phải chịu trách nhiệm về số Công ty đã thành lập để thực hiện việc bán hóa đơn GTGT trái phép, số lượng hóa đơn GTGT đã bán trái phép và số tiền thu lợi bất chính do chính các bị cáo thực hiện.

[11] Bị cáo Đào Thị Thu H giúp sức cho bị cáo Trần Văn Ph và giúp sức cho bị cáo Phạm Văn D bán trái phép hóa đơn GTGT. Do đó, bị cáo H có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Phong và có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo D, vai trò thấp hơn bị cáo Trần Văn Ph và vai trò thấp hơn bị cáo Phạm Văn D trong từng hoạt động mua bán hóa đơn GTGT cụ thể của bị cáo Trần Văn Ph và bị cáo Phạm Văn D.

[12] Bị cáo Phan Chí C có vai trò độc lập, phải chịu trách nhiệm về số tiền trốn thuế do mình thực hiện.

- *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

[13] Các bị cáo Phạm Văn D, Trần Văn Ph, Phạm Thế Ch đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đào Thị Thu H đã có một tiền án về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Do hành vi phạm tội của bị cáo Đào Thị Thu H bị xét xử trong vụ án này được thực hiện trước khi Bản án của Tòa án nhân dân huyện An D xét xử bị cáo nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo không coi là tái phạm nhưng xác định bị cáo H là người có nhân thân xấu. Bị cáo Phan Chí C có một tiền sự về hành vi “Đánh bạc”, lần phạm tội này của bị cáo Công bị coi là bị cáo có nhân thân xấu.

[14] Bị cáo Phạm Thế Ch thực hiện việc bán hóa đơn GTGT trái phép của ba Công ty; bị cáo Đào Thị Thu H giúp sức cho bị cáo D bán hóa đơn GTGT cho Công ty BM và giúp sức cho bị cáo Phong bán hóa đơn GTGT cho Công ty PP. Do đó, bị cáo Phạm Thế Ch và bị cáo Đào Thị Thu H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Văn D, Trần Văn Ph, Phan Chí C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[15] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Trần Văn Ph, Đào Thị Thu H, Phan Chí C đều thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Thế Ch phạm tội khi 70 tuổi và đã có thời gian tham gia kháng chiến, được tặng thưởng nhiều Huân chương, Huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phan Chí C phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo Công được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trước khi xét xử vụ án, các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch đã nộp lại phần lớn số tiền thu lợi bất chính, bị cáo Đào Thị Thu H đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo Phan Chí C đã nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế nên các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Đào Thị Thu H, Phan Chí C được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[16] Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch đã nộp lại phần lớn số tiền thu lợi bất chính; bị cáo Phan Chí C phạm tội ít nghiêm trọng, đã nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế; các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Phan Chí C đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đều có đơn đề nghị xin được áp dụng phạt tiền là hình phạt Chnh. Hội đồng xét xử xét thấy có thể áp dụng hình phạt Chnh là phạt tiền theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Phan Chí C cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận. Bị cáo Phạm Thế Ch được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bị cáo Phạm Thế Ch được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự theo đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phạm Thế Ch mà áp dụng hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt mới tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[17] Bị cáo Trần Văn Ph đã nộp lại 10.000.0000 đồng/715.322.383 đồng số tiền thu lợi bất chính. Tại phiên tòa, bị cáo Phong trình bày bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện để nộp lại số tiền thu lợi bất chính, không có điều kiện thi hành hình phạt chính là phạt tiền nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo Trần Văn Ph như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[18] Tuy bị cáo Đào Thị Thu H phạm tội với vai trò giúp sức, số tiền thu lợi bất chính ít và đã nộp lại toàn bộ nhưng nhân thân của bị cáo xấu, vừa bị Tòa án nhân dân huyện An D, thành phố Hải Phòng xét xử về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

*- Về hình phạt bổ sung:*

[19] Đối với các bị cáo Trần Văn Ph, Đào Thị Thu H cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

- *Xử lý khoản tiền thu lợi bất chính, tiền trốn thuế và vật chứng (Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự):*

[20] Bị cáo Đào Thị Thu H đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính của bị cáo; bị cáo Phan Chí C đã nộp lại đủ số tiền trốn thuế của bị cáo. Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Trần Văn Ph đã nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính của mình, buộc các bị cáo phải nộp lại đủ số tiền còn thiếu.

[21] Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 35.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có (bị bắt quả tang bán trái phép hóa đơn của bị cáo Đào Thị Thu H 17.000.000 đồng và bị cáo Phạm Văn D 18.000.000 đồng); số tiền 9.087.177 đồng tại các tài khoản tại ngân hàng nơi các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Trần Văn Ph mở để giao dịch, chuyển khoản phục vụ vào việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT.

[22] Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng bao gồm: 03 cây (CPU) máy tính màu đen: Nhãn hiệu SMART, COOLERPLUS, THINKCENTRE.

[23] Trả lại bị cáo Đào Thị Thu H 01 (CPU) máy tính màu đen, nhãn hiệu GOLDEN FIELD và 01 máy in màu trắng, nhãn hiệu CANON không phải công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

[24] Tịch thu, tiêu hủy đối với các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng bao gồm: 12 con dấu tròn và dấu chức danh của các Công ty: HD, BM, HT, SC, TD; 21 quyển hóa đơn GTGT và một thùng hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ án thu giữ khi bắt quả tang, khám xét và do các bị cáo tự nguyện giao nộp.

- *Về án phí và quyền kháng cáo:*

[25] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### ***1. Về tội danh và hình phạt:***

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn D** 300.000.000 (*Ba trăm triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Thế Ch** 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hoá đơn”.



- Căn cứ các điểm d, đ, e khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn Ph** 18 (*Mười tám*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Phạt bị cáo **Trần Văn Ph** 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58, Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đào Thị Thu H** 15 (*Mười lăm*) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 19 tháng 5 năm 2020 đến ngày 12 tháng 10 năm 2020.

Phạt bị cáo **Đào Thị Thu H** 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 200; điểm i, s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phan Chí C** 100.000 (*Một trăm triệu*) đồng về tội “Trốn thuế”.

**2. Về tiền thu lợi bất chính, tiền trốn thuế và xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Văn D đã nộp là 1.690.000.000 (*Một tỷ sáu trăm Chn mươi triệu*) đồng theo các Biên lai thu tiền số 0007051 ngày 04 tháng 8 năm 2021, số 0007052 ngày 04 tháng 8 năm 2021, số 0007054 ngày 04 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Buộc bị cáo Phạm Văn D phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là: 5.156.390 (*Năm triệu một trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm Chn mươi*) đồng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Thế Ch đã nộp là 674.000.000 (*Sáu trăm bảy mươi tư triệu*) đồng theo các Biên lai thu tiền số 0006534 ngày 28 tháng 4 năm 2021, số 0006964 ngày 21 tháng 6 năm 2021, số 0006977 ngày 12 tháng 7 năm 2021, số 0006990 ngày 03 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Buộc bị cáo Phạm Thế Ch phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là: 29.198.529 (*Hai mươi Chn triệu một trăm Chn mươi tám nghìn năm trăm hai mươi chín*) đồng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Trần Văn Ph đã nộp là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006783 ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Buộc bị cáo Trần Văn Ph phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là: 705.322.383 đồng (*Bảy trăm linh lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn ba trăm tám ba*) đồng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Đào Thị Thu H đã nộp là 23.000.000 (*Hai mươi ba triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006954 ngày 17 tháng 5 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền trốn thuế của bị cáo Phan Chí C đã nộp là 211.172.955 (*Hai trăm mười một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm năm mươi lăm*) đồng theo biên lai thu tiền số 0006518 ngày 16 tháng 4 năm 2021, số 0001278 ngày 04 tháng 8 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 35.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi lập ngày 16 tháng 3 năm 2021 đến số tài khoản: 3949.0.1054385 tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.087.177 (*Chín triệu không trăm tám mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi bảy*) đồng tại các tài khoản ngân hàng bị phong tỏa của các Công ty do các bị cáo thành lập để mua bán trái phép hóa đơn GTGT, cụ thể:

+ Tài khoản số 32110001010904 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, mang tên Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh thương mại dịch vụ Bình M số tiền là 843.751 (*Tám trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi một*) đồng (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 20/LPT-PC03(Đ6) ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

+ Tài khoản số 2521100786009 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Bắc Hải Phòng, mang tên Công ty TNHH Vận tải xây dựng thương mại Sáu Ch số tiền là 333.091 (*Ba trăm ba mươi ba nghìn không trăm chín mươi một*) đồng (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 21/LPT-PC03(Đ6) ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

+ Tài khoản số 2601100104009 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Nam Hải Phòng, mang tên Công ty TNHH Vận tải xây dựng thương mại Hiền Trang số tiền là 745.903 (*Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm linh ba*) đồng (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 22/LPT-PC03(Đ6) ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

+ Tài khoản số 32110001000677 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, mang tên Công ty TNHH Vận tải xây dựng thương mại Sáu Ch số tiền là 2.133.110 (*Hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn một*

trăm mười) đồng (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 23/LPT-PC03(Đ6) ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

+ Tài khoản số 32110001089180 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, mang tên Công ty TNHH Đầu tư thương mại Th D số tiền là 1.066.492 (*Một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi hai*) đồng (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 23/LPT-PC03(Đ6) ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

+ Tài khoản số 32110001110594 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, mang tên Công ty TNHH Dịch vụ thương mại xây dựng vận tải Phong Phú số tiền là 3.279.433 (*Ba triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm ba mươi ba*) đồng (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 24/LPT-PC03(Đ6) ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

+ Tài khoản số 32810000790497 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng, mang tên Công ty TNHH Vận tải xây dựng thương mại Hiền Trang số tiền là 685.397 (*Sáu trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bảy*) đồng (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 25/LPT-PC03(Đ6) ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng).

- Trả lại cho bị cáo Đào Thị Thu H: 01 cây (CPU) máy tính màu đen, nhãn hiệu GOLDEN FIELD và 01 máy in trắng, nhãn hiệu CANON LBP 2900.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 03 cây (CPU) máy tính màu đen: Nhãn hiệu SMART, COOLERPLUS, THINKCENTRE.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 02 quyền hoá đơn GTGT (Q03-MP19P; Q01-NH/20P) của Công ty TNHH đầu tư thương mại xây dựng và vận tải NH (MST: 0202019444).

+ 01 quyền hoá đơn GTGT (Q04-AA/19P) của Công ty TNHH PP; mẫu số 01 GTKT3/001; MST: 0201989841.

+ 05 quyền hoá đơn GTGT (Q4/AA19P; Q2, 3, 4 5/AA20P) của Công ty TNHH vận tải xây dựng thương mại SC (MST: 0201862919).

+ 01 quyền hoá đơn GTGT (Q04-MH/19P) của Công ty TNHH TM XD VT MH; ký hiệu MH/19; MST: 0201988012.

+ 02 quyền hoá đơn GTGT (Q01, 02-AA/19P) của Công ty TNHH đầu tư thương mại TD (MST: 0201981673) đã qua sử dụng.

+ 02 quyền hoá đơn GTGT (Q09, 10 – AA/18P) của Công ty TNHH đầu tư kinh doanh thương mại dịch vụ BM (MST: 0201824409) đã qua sử dụng.

+ 03 quyền hoá đơn GTGT (Q03 – AA/18P năm 2019; Q03 – AA/18P năm 2020; Q04 – AA/18P) của Công ty TNHH VT XD TM HT, (MST: 0201889494) đã qua sử dụng.

+ 05 quyền hoá đơn GTGT (Q03, 04, 05 – AA/18P; Q05 – AA/19P; Q01 – AA/20P) của Công ty TNHH vận tải xây dựng thương mại SC (MST: 0201862919) đã qua sử dụng.

+ 01 dấu tròn của Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh thương mại dịch vụ BM; MSDN: 0201824409.

+ 02 dấu tròn của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng vận tải HD, MSDN: 0201642737.

+ 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Văn V.

+ 02 dấu chức danh giám đốc Phạm Văn D.

+ 01 dấu tròn Công ty TNHH ĐTTM Thành D, MST: 0201981673, kèm 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Đông D.

+ 01 dấu tròn của Công ty TNHH vận tải XD TM HT, MST: 0201889491.

+ 01 dấu tròn của Công ty TNHH vận tải XDTM HT, MST: 0201889491, kèm 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thị H.

+ 01 dấu tròn của Công ty TNHH vận tải, xây dựng thương mại SC; MST: 0201862919, kèm theo 01 dấu chức danh giám đốc Phạm Thế Ch.

+ 01 thùng bìa catton đựng tài liệu thu giữ khi khám xét tại nhà Đào Thị Thu H, Phạm Văn D, đã được niêm phong, có dấu tròn của Phòng Cảnh sát kinh tế, chữ ký của điều tra viên Lê Công Định và người chứng kiến Phạm Thị Thanh Thuý.

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Phạm Văn D, Phạm Thế Ch, Trần Văn Ph, Đào Thị Thu H, Phan Chí C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

#### **4. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Vụ 1 - Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Phòng PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đức Lập**